

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH QUẢNG NAM**

Bản án số: 79/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 07/4/2021.

V/v: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH QUẢNG NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Phùng Thành.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Xuân
2. Bà Trần Thị Xuân Tiên

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hải Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trúc Mai – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 02/2020/TLST-HNGĐ ngày 07/01/2020, về việc: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Ngô Đức V, sinh năm: 1985.

Trú tại: Tổ 14, thôn L, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

- Bị đơn: Chị Dương Thị T, sinh năm: 1987.

Trú tại: Tổ 18, thôn L, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

(Các bên đương sự đều có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Ngô Đức V trình bày: Tôi và chị T tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau và đến với nhau thành vợ chồng, tuy không có tổ chức lễ cưới nhưng có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện T vào năm 2016. Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 02 năm 2019 thì mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do trong việc đưa đón con, lúc đó tôi phải chạy xe đi về quê, chị T không đón con mà cũng bỏ về quê. Tại thời điểm đó vợ chồng tôi sống tại phòng trọ ở tp Đ và tôi phải quay ra Tp Đ đón con lúc đó đã 20 giờ. Sau đó tôi đưa con tôi về quê cùng sống với tôi 01 năm. Vợ chồng tôi ly thân với nhau từ đó cho đến nay đã 02 năm. Tôi nuôi con tại gia đình tôi được 01 năm thì vợ tôi lên chở con về sống với mẹ từ đó cho đến nay. Bản thân tôi và vợ tôi ly thân với nhau 02 năm nay. Ngoài ra, trong quá trình

chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn nhưng tôi không muốn trình bày. Nay tôi thấy tình cảm vợ chồng không còn yêu thương nhau nữa, cuộc sống chung không thể kéo dài nên tôi yêu cầu tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với chị T.

- Về con chung: Vợ chồng chúng tôi có 01 con chung tên là Ngô Dương Đức T, sinh ngày 02/12/2014.

Nếu ly hôn tôi yêu cầu được nuôi cháu T và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung.

- Nợ chung, cho mượn nợ: Vợ chồng không nợ ai và không cho ai mượn nợ.

* Bị đơn, chị Dương Thị T trình bày: Tôi thống nhất hoàn cảnh kết hôn và thời gian kết hôn như chồng tôi trình bày. Về nguyên nhân mâu thuẫn thực tế là do chồng tôi quá nghe lời em chồng. Chuyện vợ chồng mâu thuẫn là do em chồng xúi giục, hứa hẹn cho tài sản là chiếc xe ô tô với điều kiện phải bỏ tôi nên chồng tôi nghe lời về ly hôn tôi. Còn chuyện đón con mâu thuẫn thì đúng nhưng nguyên nhân sâu xa là quá nhiều chuyện với bên phía chồng. Chồng tôi ban đầu làm bên ngoài lương cao nhưng em chồng bảo về làm cho nó. Sau đó nó lại không thuê mướn chồng tôi nữa nên lại cho nghỉ và thất nghiệp về sống ăn bám với tôi. Sau đó mấy tháng sau nó lại bảo chồng tôi chở nó về quê. Nên việc đón con không đón được mà tôi không muốn chồng tôi làm cho em chồng nữa vì không thể thích thì thuê không thích thì cho nghỉ việc nên mới mâu thuẫn. Thực tế bản thân tôi cũng không cần thiết để gắn kết nhau nhưng tôi không đồng ý khi chưa giải quyết ly hôn chồng tôi lại có người tình khác. Hiện nay tôi đang yêu cầu Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Quảng Nam vào cuộc xem xét đối với hành vi của ông V khi đang có vợ có chồng mà có quan hệ tình cảm với người khác. Tôi đề nghị Tòa án xem xét hoãn thời gian giải quyết vụ ly hôn này đến khi nào có kết quả trả lời của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Quảng Nam có khởi tố hay không lúc đó tôi sẽ giải quyết ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng chúng tôi có 01 con chung tên là Ngô Dương Đức T, sinh ngày 02/12/2014.

Nếu ly hôn tôi yêu cầu được nuôi cháu T và không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung.

- Nợ chung, cho mượn nợ: Vợ chồng không nợ ai và cũng không cho ai mượn nợ.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư Ký, Hội đồng xét xử, nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án, trình tự thu thập chứng cứ là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử xử chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, giao cháu T cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng vì hiện nay cháu T đang được chị T nuôi dưỡng. Đề nghị chấp nhận yêu cầu của chị T, anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; Căn cứ lời trình bày của đương sự tại phiên, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam;

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là quan hệ ly hôn, tranh chấp về nuôi con là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Vụ án có bị đơn chị Dương Thị T cư trú tại huyện T, tỉnh Quảng Nam, Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa anh Ngô Đức V và chị Dương Thị T có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 01 do Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam cấp ngày 04/01/2016 nên xác định quan hệ hôn nhân giữa anh V và chị T là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn anh V và chị T đều xác định xác định vợ chồng không hạnh phúc. Nguyên nhân theo anh V là do chị T. Còn theo chị T là anh V quá nghe lời gia đình nên dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn. Anh V và chị T đều xác định vợ chồng anh chị sống ly thân với nhau đã lâu, phần ai người đó sống, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay anh V cương quyết ly hôn với chị T, bản thân chị T cũng không mong muốn sống chung với anh V nhưng chị T chưa muốn ly hôn vì chị T cho rằng anh V chưa ly hôn với chị nhưng đã có quan hệ yêu đương với người khác, đã phá vỡ hạnh phúc gia đình chị. Chị T mong muốn để khi Công an tỉnh Quảng Nam giải quyết xong việc tố giác của chị thì mới ly hôn. Tại công văn số 50/VPCQCSĐT(DD2) ngày 15/01/2021 của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Quảng Nam đã phúc đáp công văn số 02/CV-TA của Tòa án nhân dân huyện T trả lời : Ngày 25/8/2020 Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Quảng Nam có phiếu chuyển đơn số 1165/PC-VPCQCSĐT về việc chuyển nội tố giác đến Cơ quan CSĐT Công an huyện T giải quyết. Ngoài ra, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Quảng Nam không thụ lý, giải quyết thông tin, vụ án nào liên quan đến Ngô Đức V. Đối với yêu cầu này của chị T đã được trả lời cụ thể. Đối với yêu cầu của chị T về việc chị T khiếu nại tại Tòa án tỉnh Quảng Nam nhưng chị T không giao nộp chứng cứ chứng minh nên không xem xét.

Hội đồng xét xử xét thấy các bên đương sự không thực sự mong muốn sống bên nhau, cuộc sống hôn nhân không đạt được, nếu có kéo dài thì cuộc sống hôn nhân cũng không có, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của anh Ngô Đức V xin được ly hôn với chị Dương Thị T.

[3] Về con chung: Xác định trong quá trình chung sống, vợ chồng chị T anh V có 01 con chung tên là: Ngô Dương Đức T, sinh ngày 02/12/2014.

Anh V và chị T đều mong muốn được nuôi con chung. Hội đồng xét xử nhận thấy hiện nay cháu T còn nhỏ cần có sự chăm sóc của mẹ. Ngoài ra trong thời vừa qua cháu T sống với chị T đã được chị T nuôi dưỡng chu đáo ăn học đầy đủ, đảm bảo phát triển tốt mặc dù anh V không thăm nom và cấp dưỡng. Ngoài ra cần thiết phải ưu tiên quyền nuôi con của người phụ nữ. Từ đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu

của nguyên đơn anh Ngô Đức V. Chấp nhận yêu cầu của bị đơn chị Dương Thị T giao cháu T cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với tình hình thực tế, đúng pháp luật.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con. Vì lợi ích của con, khi cần thiết theo yêu cầu của một bên hoặc của hai bên thì Tòa án có thể quyết định cho thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung: Vợ chồng chị T anh V thống nhất không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Vợ chồng chị T anh V thống nhất không nợ ai và cũng không cho ai mượn nợ nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Ngô Đức V phải chịu số tiền: 300.000^d(Ba trăm ngàn đồng). Được tính trừ vào số tiền: 300.000^d(Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí mà anh V đã nộp theo biên lai thu số 0005330 ngày 07/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Quảng Nam.

[8] Các bên đương có quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo theo quy định tại các Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[9] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam là đúng pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 146; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 2 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn anh Ngô Đức V. Anh Ngô Đức V được ly hôn với chị Dương Thị T.

2. Về con chung, nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung: Công nhận vợ chồng chị T và anh V có 01 con chung tên là: Ngô Dương Đức T, sinh ngày 02/12/2014.

2.1. Chấp nhận yêu cầu của bị đơn chị Dương Thị T. Giao cháu Ngô Dương Đức T, sinh ngày 02/12/2014 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom chăm sóc giáo dục con. Vì lợi ích của con, khi cần thiết theo yêu cầu của một bên hoặc của hai bên thì Tòa án có thể quyết định cho thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

2.2. Chị T không yêu cầu anh V phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung: Chị T và anh V thống nhất vợ chồng không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị T anh V thống nhất vợ chồng không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về cho mượn nợ: Chị T anh V khai vợ chồng không cho ai mượn nợ, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Ngô Đức V phải chịu số tiền: 300.000^d (Ba trăm ngàn đồng). Được tính trừ vào số tiền: 300.000^d (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí mà anh V đã nộp theo biên lai thu số 0005330 ngày 07/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Quảng Nam.

6. Các bên đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để xin Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND – VKSND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THA.DS huyện T;
- UBND xã B;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký tên, đóng dấu)**

Đặng Phùng Thành